

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2026/DS-ST.

Ngày: 04/09/2026

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Long.

Các Hội thẩm nhân dân Ông Nguyễn Văn Hà, bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Đắk Lắk tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2026-HNGĐ, ngày 16 tháng 03 năm 2026 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2026/QĐXXST- DS ngày 07/08/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị T, sinh năm: 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P (nay là thôn P), xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Thôn P (nay là thôn T), xã E, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị Diệu H, sinh năm: 1957 (có mặt).

Bà Ngô Thị Diệu L, sinh năm: 1960 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày: Do quen biết nhau nên từ năm 2016 đến năm 2023 bà có cho bà Ngô Thị Diệu H và bà Ngô Thị Diệu L vay của bà Ngô Thị T tổng cộng 142.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 28/12/2016, bà H và bà L vay 56.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 28/02/2017; Ngày 28/12/2018, bà H vay 56.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 28/3/2019; Ngày 21/01/2023, bà H vay 10.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 25/02/2024 và ngày 26/12/2023, bà H vay 20.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 16/01/2024.

Việc vay tiền được lập thành giấy mượn tiền. Đối với khoản vay 56.000.000 đồng ngày 28/12/2016 do bà H và bà L viết giấy vay tiền bà T, giấy mượn tiền ghi rõ: “Ngô Thị Diệu L, Ngô Thị Diệu H có mượn của bà Ngô Thị T 56.000.000 đồng”, tại mục người mượn tiền có chữ ký và chữ viết của bà Ngô Thị Diệu H và bà Ngô Thị Diệu L. Đối với các khoản vay còn lại là khoản nợ riêng của bà H.

Mặc dù các khoản vay trên đã quá hạn, bà T đã trực tiếp đòi bà H và bà L nhiều lần nhưng bà H với bà L không chịu trả nợ, sau khi bà T khởi kiện đến Tòa án thì bà H đã trả được 10.000.000 đồng tiền vay gốc. Vì vậy, bà T khởi kiện, yêu cầu

bà H phải trả số nợ riêng của bà H còn lại là 76.000.000 đồng; đồng thời yêu cầu bà H và bà L có nghĩa vụ liên đới trả khoản tiền nợ vay chung 56.000.000 đồng, trong đó phần bà H 28.000.000 đồng và bà L 28.000.000 đồng. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền lãi.

Bị đơn bà Ngô Thị Diệu H trình bày: Bà H thừa nhận từ năm 2016 đến năm 2023 có vay của bà T 04 lần với tổng số tiền 142.000.000 đồng, các lần vay, nội dung vay như bà T trình bày là đúng. Tuy nhiên bà H cho rằng toàn bộ số tiền 142.000.000 đồng nói trên là do một mình bà H vay của bà T. Đối với khoản vay 56.000.000 đồng ngày 28/12/2016 có chữ ký của bà L dưới mục người mượn tiền thì bà H cho rằng bà L chỉ ký với tư cách người làm chứng, do không hiểu biết nên ký tên dưới mục người mượn tiền. Sau khi bà T khởi kiện thì bà H đã trả được 10.000.000 đồng và còn nợ lại bà T 132.000.000 đồng. Do điều kiện điều kiện kinh tế khó khăn nên bà xin bà T số tiền 52.000.000 đồng, số tiền còn lại 80.000.000 đồng xin được trả dần cho bà T mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2026, bị đơn bà Ngô Thị Diệu L trình bày: Năm 2016, bà H là chị ruột của bà có vay của bà T 56.000.000 đồng, bà L có chứng kiến và đi cùng bà H đến vay tiền. Khi bà H viết giấy nợ, bà T đề nghị bà L ký vào giấy vay. Lẽ ra bà L ký với tư cách người làm chứng nhưng do không hiểu biết pháp luật nên bà đã ký dưới mục người mượn tiền. Bà L cho rằng toàn bộ số tiền 56.000.000 đồng vay ngày 28/12/2016 có chữ ký của bà L là do bà H vay và sử dụng, bà L không sử dụng số tiền này nên trách nhiệm trả nợ thuộc về bà H. Bà L không đồng ý trả cho bà T 28.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Phản tranh luận các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn bà Ngô Thị Diệu H đã thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Căn cứ các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T. Buộc bà Ngô Thị Diệu H phải trả cho bà Ngô Thị T số tiền 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng) là khoản tiền nợ riêng của bà H; Buộc bà Ngô Thị Diệu H và bà Ngô Thị Diệu L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô Thị T số tiền 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng). Trong đó, xác định phần nghĩa vụ của bà Ngô Thị Diệu H là 28.000.000 đồng và phần nghĩa vụ của bà Ngô Thị Diệu L là 28.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn bà Ngô Thị Diệu H và bà Ngô Thị Diệu L cư trú tại xã E, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 thì Tòa án nhân dân khu vực 4-Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên toà bị đơn bà Ngô Thị Diệu L vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn bà Ngô Thị Diệu L.

[2]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà Ngô Thị Diệu H trả số tiền 76.000.000 đồng bà H vay riêng.

Các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự thể hiện bà H có vay riêng của bà T các khoản: Ngày 28/12/2018: 56.000.000 đồng; Ngày 21/01/2023: 10.000.000 đồng; Ngày 26/12/2023: 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 86.000.000 đồng. Sau khi bà T khởi kiện, bà H đã trả cho bà T 10.000.000 đồng. Bà H cũng thừa nhận toàn bộ các khoản tiền trên là khoản nợ do một mình bà vay của bà T. Như vậy, có đủ cơ sở xác định bà H còn nợ riêng bà T: 86.000.000 đồng - 10.000.000 đồng = 76.000.000 đồng mà không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của BLTTDS.

Bà H cho rằng hiện nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, xin trả cho bà T 80.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, không được bà T đồng ý. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc bà H trả cho bà T 76.000.000 đồng tiền nợ riêng là có căn cứ.

[3]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà Ngô Thị Diệu H và bà Ngô Thị Diệu L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô Thị T 56.000.000 đồng là khoản vay ngày 28/12/2016, trong đó bà H và bà L mỗi người phải trả cho bà T 28.000.000 đồng.

Nguyên đơn bà T xác định bà H và bà L cùng vay của bà số tiền 56.000.000 đồng. Bà H và bà L đều cho rằng thực chất chỉ có bà H vay tiền, bà L chỉ là người làm chứng. Tại giấy mượn tiền ngày 28/12/2016 thể hiện: “*Ngô Thị Diệu L, Ngô Thị Diệu H có mượn của bà Ngô Thị T 56.000.000 đồng, mượn từ ngày 28/12/2016 đến ngày 28/02/2017*”. Đồng thời, tại mục “người mượn tiền” có chữ viết và chữ ký của cả bà Ngô Thị Diệu H và bà Ngô Thị Diệu L. Như vậy, nội dung giấy mượn tiền thể hiện rõ cả bà H và bà L là người xác lập giao dịch vay với bà T. Bà L cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết của mình trên giấy mượn tiền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh khi lập giấy mượn tiền bà T đã xác định bà L là người làm chứng hoặc việc ghi bà L là người mượn tiền là do bà T ghi nhầm, ghi sai. Mặt khác, bà L cũng thừa nhận có mặt, chứng kiến việc bà H vay tiền và trực tiếp ký vào giấy mượn tiền.

Do đó, có đủ căn cứ xác định bà Ngô Thị Diệu H và bà Ngô Thị Diệu L cùng là người vay số tiền 56.000.000 đồng của bà Ngô Thị T và cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn bà Ngô Thị T yêu cầu bà H và bà L có nghĩa vụ liên đới trả 56.000.000 đồng, đồng thời xác định phần nghĩa vụ của bà H là 28.000.000 đồng và bà L là 28.000.000 đồng.

Xét thấy, yêu cầu này không vượt quá số tiền thực tế đã vay của nguyên đơn. Việc xác định phần nghĩa vụ của mỗi người là 28.000.000 đồng phù hợp với việc hai người cùng đứng tên vay và không có chứng cứ chứng minh tỷ lệ nghĩa vụ khác.

Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xác định bà Ngô Thị Diệu H và bà Ngô Thị Diệu L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô Thị T 56.000.000 đồng; phần nghĩa vụ của mỗi người là 28.000.000 đồng.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên bà Ngô Thị Diệu H và bà Ngô Thị Diệu L chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà Ngô Thị Diệu H đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên bà H được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bà Ngô Thị Diệu L mặc dù đã trên 60 tuổi nhưng không tham gia phiên toà, không có đơn xin miễn tiền án phí nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo mức: 28.000.000 đồng x 5% = 1.400.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Ngô Thị T số tiền 3.550.000 đồng (Ba triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ngày 11/3/2026.

[5]. Xét thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Đắk Lắk là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tụng dân sự;

- Căn cứ Căn cứ các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 **Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016** của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T

1.1. Buộc bà Ngô Thị Diệu H phải trả cho bà Ngô Thị T số tiền 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng) là khoản tiền nợ riêng của bà H.

1.2. Buộc bà Ngô Thị Diệu H và bà Ngô Thị Diệu L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô Thị T số tiền 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng). Trong đó, xác định phần nghĩa vụ của bà Ngô Thị Diệu H là 28.000.000 đồng và phần nghĩa vụ của bà Ngô Thị Diệu L là 28.000.000 đồng.

2. Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu bà H, bà L chưa thi hành hoặc thi hành chưa đầy đủ thì đối với số tiền còn phải thi hành thì bà H, bà L còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án

3. Về án phí

Bà Ngô Thị Diệu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 28.000.000 đồng là: 1.400.000 đồng.

Bà Ngô Thị Diệu H được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho bà Ngô Thị T số tiền 3.550.000 đồng (Ba triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 11/3/2026.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Ngô Thị T, bị đơn bà Ngô Thị Diệu L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn bà Ngô Thị Diệu L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4-Đắk Lắk;
- Phòng T.H.A DS khu vực 4- Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Long